

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRƯỜNG THỊ HIỂN (*)

Từ những góc tiếp cận khác nhau sẽ có khái niệm khác nhau về cơ cấu kinh tế, xin được giới thiệu một số khái niệm sau đây:

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế với vị trí, tỷ trọng tương ứng của chúng và mối quan hệ hữu cơ tương đối hợp thành trong một giai đoạn nào đó, luôn vận động chuyển dịch trong mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau. Như vậy, cơ cấu kinh tế là thuộc tính của hệ thống mà nó đang tồn tại và vận hành (ở đây hệ thống chính là tổng thể nền kinh tế một quốc gia, một vùng, một địa phương, một khu vực). Do đó, khi nghiên cứu cơ cấu kinh tế phải đứng trên quan điểm hệ thống và quan điểm phát triển.

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể các bộ phận hợp thành của nền kinh tế; giữa chúng có mối liên hệ hữu cơ, tương tác qua lại cả về số lượng lẫn chất lượng trong những điều kiện không gian và kinh tế - xã hội nhất định; bao gồm nhiều yếu tố quan hệ chặt chẽ với nhau trong không gian và thời gian nhất định cả về số lượng lẫn chất lượng.

Về mặt lượng, cơ cấu kinh tế được xác định bằng tỷ trọng giá trị của các bộ phận cấu thành các ngành, lĩnh vực trong GDP. Tỷ trọng này phụ thuộc vào vị trí của mỗi bộ phận trong nền kinh tế ở mỗi giai đoạn cụ thể nhất định. Do đó, khi nghiên cứu cơ cấu kinh tế, cần tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, như cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế và các yếu tố phi kinh tế, cơ cấu lao động...

Chúng ta sẽ chọn mô hình phát triển kinh tế

nào trong tương lai? Đây là những câu hỏi mà các nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách, cơ quan tham mưu đang trăn trở. Nhưng tôi cho rằng, dù lựa chọn mô hình phát triển kinh tế nào đi nữa, cơ cấu kinh tế vẫn luôn là nhân tố cơ bản quyết định của sự phát triển. Do vậy lựa chọn cơ cấu kinh tế, xác định cơ cấu kinh tế hợp lý vẫn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế là cần thiết và có thể tiếp cận từ nhiều hướng, nhiều góc độ khác nhau như cơ cấu kinh tế theo ngành, cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế theo vùng, lãnh thổ, cơ cấu kinh tế trong nước và nước ngoài, cơ cấu lao động...

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích cơ cấu kinh tế theo ngành và lĩnh vực của Việt Nam. Sau hơn 20 năm đổi mới, xét về tổng thể, cơ cấu kinh tế Việt Nam đã có sự chuyển dịch như sau:

- Năm 1990, tỷ trọng các ngành trong GDP là:
Khu vực I chiếm 37,74 %,
Khu vực II chiếm 23,63%,
Khu vực III chiếm 38,59%.

- Đến năm 2009, trong cơ cấu GDP đã thay đổi như sau:

Khu vực I: 20,66%,
Khu vực II: 40, 24%,
Khu vực III : 39,10%.

Số liệu thống kê cho thấy giai đoạn 2000-2009, tỷ trọng khu vực I giảm, còn khu vực II, III đã tăng lên và chiếm ưu thế trong cơ cấu GDP. Nhưng nếu so với cơ cấu của các nước phát triển trung bình và các nước phát triển cao trên thế giới thì cơ cấu kinh tế của Việt Nam vẫn còn lạc hậu. Biểu hiện là tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong cơ cấu GDP còn rất lớn, chiếm trên 20%, trong khi mức trung bình của thế giới là 3 - 4%

*) PGS.TS. Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

của khối các nước phát triển, Trung Quốc là 13,55%, Thái Lan là 10,17%; tỷ trọng khu vực dịch vụ quá nhỏ (38%), trong khi trung bình của thế giới là 68%, các nước có thu nhập thấp và trung bình là 45,87%.

Như vậy, xét thuần túy về tỷ trọng (số lượng) các ngành kinh tế trong GDP đã cho thấy cơ cấu kinh tế của Việt Nam hiện còn lạc hậu.

Về trình độ công nghệ của Việt Nam thấp so với trung bình của thế giới và khu vực (xem bảng).

Số liệu của bảng trên cho thấy trình độ khoa học công nghệ của Việt Nam còn thấp, ước tính đứng thứ 7 trong 10 nước Asean; tốc độ đổi mới thiết bị và công nghệ của Việt Nam còn chậm, trên thế giới bình quân đổi mới máy móc thiết bị công nghệ đạt 10%/ năm, Việt Nam chỉ đạt dưới 5%/năm; đồng thời khoảng cách tụt hậu về công nghệ của Việt Nam với thế giới có xu hướng ngày càng dân ra; đóng góp của công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào tốc độ và chất lượng tăng trưởng còn thấp. Đây chính là một trong những nguyên nhân đưa đến hệ quả là chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thấp. (Theo các chỉ số phát triển năm 2009 của Ngân hàng thế giới (WB) công bố trong nền kinh tế Việt Nam, các sản phẩm công nghệ cao chỉ chiếm khoảng 6% tổng kim ngạch xuất khẩu và chỉ số này hầu như không thay đổi kể từ năm 2000 đến 2008).

Một vấn đề nữa là, đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp các nhân tố thấp và có xu hướng ngày càng giảm. Hiện vốn đầu tư để mở rộng quy mô theo chiều rộng đóng góp khoảng 60%

vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam; lao động và các nhân tố tổng hợp đóng góp phần còn lại, trong đó, đóng góp của nhân tố tổng hợp khoảng 25%. Tăng trưởng nhân tố tổng hợp ở Việt Nam bình quân 1,5%/năm; trong khi đó Trung Quốc 4%/năm, Ấn Độ 3%/ năm, Singapore 2,5%/ năm, Thái lan 2%/ năm.

Về năng suất lao động của Việt Nam so với các nước trong khu vực thấp. Năm 2008 năng suất một lao động của Việt Nam đạt 1.700USD, trong khi con số này của Malaysia là trên 14.000USD.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm, nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, hàm lượng chất xám cao còn chậm và chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP.

Tóm lại, dù đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực nhưng hiện tại cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn chưa phát huy được lợi thế so sánh của đất nước; sự phát triển chủ yếu vẫn dựa vào các ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên và lao động phổ thông, trình độ công nghệ thấp; sản xuất công nghiệp phần lớn ở dạng gia công, lắp ráp, dựa chủ yếu vào nhập khẩu nguyên liệu và các sản phẩm trung gian từ nước ngoài; đa số các sản phẩm có đóng góp lớn trong GDP cũng như kim ngạch xuất khẩu là sản phẩm dựa trên khai thác tài nguyên (dầu đai, khoáng sản,...) các sản phẩm sơ chế và dịch vụ tiêu dùng thâm dụng nhiều lao động phổ thông.

Những hạn chế của cơ cấu kinh tế nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu cụ thể như sau:

Trình độ công nghệ của Việt Nam so với thế giới và khu vực

| Tiêu chuẩn công nghệ | Việt Nam (%) | Philippin (%) | Thái Lan (%) | Indonesia (%) | Malaisia (%) | Singapore (%) |
|---------------------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
| Nhóm công nghệ cao | 20.6 | 29.1 | 29.7 | 30.8 | 51.1 | 73.0 |
| Nhóm công nghệ trung bình | 20.7 | 25.5 | 22.6 | 26.5 | 54.6 | 16.5 |
| Nhóm công nghệ thấp | 58.8 | 45.5 | 47.5 | 42.2 | 24.3 | 10.5 |

Nguồn: Tổng Cục thống kê

- *Thứ nhất*, chậm đổi mới tư duy phát triển kinh tế, nhất là tư duy về chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế, về vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế, hoạch định, xác định mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.

- *Thứ hai*, bị động trong phân định, xác định giới hạn về vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước đối với phát triển của thị trường; giữa quản lý theo ngành và theo lãnh thổ.

- *Thứ ba*, chính sách phân phối và thu nhập chưa đảm bảo kết hợp, giải quyết hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và lợi ích xã hội nên sự phân bổ nguồn lực các yếu tố đầu vào không khoa học, hợp lý.

- *Thứ tư*, tái cấu trúc (cấu trúc lại) nền kinh tế còn chậm, không theo kịp đòi hỏi khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội. Còn loay hoay với câu hỏi tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam bắt đầu từ đâu và theo lộ trình nào?

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý có ý nghĩa quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, câu hỏi đặt ra là Việt Nam cần xây dựng cơ cấu kinh tế như thế nào để đáp ứng được những yêu cầu phát triển bền vững; cạnh tranh quốc tế có hiệu quả; khai thác tốt nhất tiềm năng lợi thế của đất nước; có khả năng thích ứng cao trước mọi biến động của kinh tế, thế giới.

Trong điều kiện kinh tế thế giới đang chuyển nhanh sang kinh tế tri thức, Việt Nam phải thực thi đồng bộ nhiều giải pháp có tính khoa học và tính thực tiễn cao. Ở đây, chúng tôi xin đề xuất những giải pháp chủ yếu như sau:

- *Thứ nhất*, nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu dài hạn, khoa học, từ đó, các mục tiêu trung hạn và ngắn hạn phải phù hợp với quy hoạch dài hạn. Đảm bảo quan hệ hợp lý giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững.

- *Thứ hai*, thay đổi tư duy và hướng tiếp cận xây dựng cơ cấu kinh tế theo kiểu truyền thống là chỉ xác định tỷ trọng ngành nghề, khu vực kinh tế trong GDP sang thực hiện và tiếp cận theo hướng chuỗi giá trị như các ngành kinh tế

kỹ thuật của Việt Nam đang ở vị trí nào trong chuỗi giá trị toàn cầu; từ đấy mới xác định Việt Nam cần tập trung phát triển ngành nào, nhóm sản phẩm nào, hoặc khâu nào trong toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm. (Thí dụ, nếu cứ nhập khẩu nguyên, phụ liệu rồi gia công như ngành may mặc, giày da, sản phẩm điện tử như hiện nay thì giá trị gia tăng rất thấp, nhưng nếu phát triển may mặc tập trung vào khâu thiết kế mẫu mã và công nghiệp phụ trợ thì giá trị gia tăng cao). Đồng thời, cần ưu tiên đầu tư và có cơ chế chính sách phát triển khoa học công nghệ, nhanh chóng nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước và toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xác định rõ ràng quan điểm rằng dù thực hiện xã hội hóa đầu tư là cần thiết, nhưng đầu tư của nhà nước vẫn là động lực chủ yếu trong sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ.

- Song song đó, cần nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực phải luôn luôn là nhân tố cơ bản của sự phát triển. Để nâng cao chất lượng, trình độ nguồn nhân lực cần phải thực hiện đồng bộ, có hiệu quả đồng thời ba vấn đề: nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, hiền tài; để mỗi người có thể phát huy hết tiềm năng, trí lực, kỹ năng của mình trong học tập và làm việc.

- Đưa ra lộ trình tái cấu trúc nền kinh tế phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam với những bước đi và hành động cụ thể; tiến hành ngay một cách có hệ thống lộ trình tái cấu trúc nền kinh tế đồng bộ ở tất cả các địa phương, có quan tâm chú ý nhiều hơn đến các khu vực kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế lớn của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Lê Xuân Bá, *Nghiên cứu xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2010-2020*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW, tháng 6 năm 2010.
2. TS. Nguyễn Thị Hương, *Những hạn chế trong chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục*, Tạp chí Kinh tế số 9, Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, trang 11.